

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL
VIỆT NAM**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
3. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 45

304

HÌNH
TỶ
M
CH VỤ
HỒ CH

ẤY -

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") trân trọng đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Create Capital Việt Nam theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/9/2014 của Hội đồng thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 ngày 29/12/2010, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 07/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty: Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán hàng hóa, thành phẩm (gạch, than, điều, cao su SVR10, ...) và xây dựng.

Trụ sở chính: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 18/02/2017
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và là thành viên HĐQT từ ngày 18/02/2017
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kim	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Tiến Sỹ	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Mai Anh Tám	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, Bổ nhiệm ngày 18/02/2017
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thôi giữ chức Tổng Giám đốc từ ngày 18/02/2017
Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

==
-0
Á
T
T
O
T
I
M
I
M
I
T
P
==

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh hợp nhất cho các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017



Mai Anh Tám

HN
50C
MA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
 Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
 Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
 Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 170738/BCHNSX-AISHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây được viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/8/2017, từ trang 04 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30/6/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
 VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**



Đào Tiến Đạt
 Số Giấy CNDKHNKT: 0078-2013-05-1
 Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội
 Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng
 Representative in Cần Thơ : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City
 Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045 /46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn
 Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aiscct@dng.vnn.vn
 Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765
 Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 đ	01/01/2017 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.699.925.148	87.320.835.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.026.316.198	1.858.587.599
1. Tiền	111	V.1	6.026.316.198	1.858.587.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.10b	12.015.000.000	0
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.015.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.192.458.091	50.765.292.089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.458.652.955	11.864.623.003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.104.592.913	13.548.313.251
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	12.000.000.000	4.430.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.675.700.638	20.968.844.250
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(46.488.415)	(46.488.415)
IV. Hàng tồn kho	140		47.175.820.471	32.644.344.282
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47.175.820.471	32.644.344.282
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.290.330.388	2.052.611.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	45.405.710	11.314.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.211.273.317	2.041.297.056
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	33.651.361	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.690.018.013	175.381.882.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.455.000.000	76.105.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	75.455.000.000	76.105.000.000
II. Tài sản cố định	220		47.258.673.922	38.068.501.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	47.258.673.922	38.068.501.097
<i>Nguyên giá</i>	222		51.672.684.785	52.693.427.979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.414.010.863)	(14.624.926.882)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	10.508.783.265	16.754.553.687
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.508.783.265	16.754.553.687
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10c	28.121.063.617	44.140.864.271
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.073.063.617	37.515.864.271
2. Đầu tư dài hạn khác	253		8.048.000.000	6.625.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		346.497.209	312.963.436
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	71.444.824	166.678.891
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12a	275.052.385	146.284.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.389.943.161	262.702.718.387

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 đ	01/01/2017 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		96.722.509.143	80.836.453.759
I. Nợ ngắn hạn	310		69.974.760.428	51.469.177.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.596.096.114	10.850.017.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	430.000.000	540.060.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.283.826.562	3.121.602.300
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	221.834.078	97.484.307
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.287.076.981	1.184.758.098
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	54.155.926.693	35.675.255.252
II. Nợ dài hạn	330		26.747.748.715	29.367.276.612
1. Doanh thu chưa thực hiện	336	V.17	139.426.696	50.198.906
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	26.608.322.019	29.311.308.014
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.12b	0	5.769.692
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.667.434.018	181.866.264.628
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	190.667.434.018	181.866.264.628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		633.963.151	633.963.151
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.432.823.826	14.788.244.631
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.788.244.631	6.516.376.862
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.644.579.195	8.271.867.769
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.600.647.041	16.444.056.846
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.389.943.161	262.702.718.387

13
HI
NG
CH
HỒ
TÁ

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phòng Giám đốc



Mai Anh Tám

Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50.309.915.160
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.309.915.160
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44.797.996.279
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.511.918.881
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.806.124.910
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.894.809.408
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.818.477.912
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		112.199.346
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	340.530.925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	1.741.590.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.453.312.167
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.825.151.886
12. Chi phí khác	32	VI.7	233.111.233
13. Lợi nhuận khác	40		7.592.040.653
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.045.352.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.053.720.962
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(134.537.532)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.126.169.390
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		6.644.579.195
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.481.590.195
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	442,97
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	442,97

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng



Dương Thị Huyền

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tám

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đ
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	10.045.352.820
2.	Điều chỉnh cho các khoản		
	Khấu hao TSCĐ	02	1.573.318.201
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	917.548
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.362.689.328)
	Chi phí lãi vay	06	2.818.477.912
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.075.377.153
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.028.044.046
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.531.476.189)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.794.954.498)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	61.143.227
	Tiền lãi vay đã trả	14	(2.799.475.957)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(786.399.274)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(10.747.741.492)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(942.224.333)
2.	Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.317.192.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.215.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.630.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.862.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.177.451.069
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	357.376.257
8.	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.462.794.993
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	675.000.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	78.533.175.291
3.	Tiền chi trả gốc vay	34	(62.755.489.845)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.452.685.446
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.167.738.947
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.858.587.599
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.348)
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	11.026.316.198

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền



Mai Anh Tám

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Create Capital Việt Nam theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/9/2014 của Hội đồng thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 ngày 29/12/2010, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 07/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/6/2017 là **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa, thành phẩm (gạch, than, điều, cao su SVR10, ...) và xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Cấu trúc doanh nghiệp**4.1 Tổng số các Công ty con**

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 (hai) công ty con.

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có

4.2 Danh sách các Công ty con

Tại ngày 30/6/2017, Công ty có hai (02) Công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum; tỉnh Kon Tum	Sản xuất kinh doanh gạch	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu đồi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất kinh doanh gạch	66,68%	66,68%

//S/ + H S H C H V A I I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***4.3 Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tại ngày 30/6/2017, Công ty có một (01) Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Khu 8, xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	22,38%	22,38%

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng. Do Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 nên không có số liệu so sánh cho giai đoạn này.

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân và tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 30/6/2017 cùng là: 22.700 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 30/6/2017 là: 3.358 VND/CNY.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính, kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay có khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Báo cáo tài chính của đơn vị phản ánh khoản đầu tư vào công ty liên kết, khi lập Báo cáo tài chính đang thực hiện loại trừ toàn bộ ảnh hưởng của sự thay đổi trong giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm lập báo cáo gồm các chỉ tiêu cơ bản sau: Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết; Khoản điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết; Phần điều chỉnh tăng (giảm) khoản đầu tư theo giá trị thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên kết; Khoản điều chỉnh do báo cáo tài chính của nhà đầu tư và công ty liên kết được lập khác ngày; Khoản điều chỉnh do nhà đầu tư và công ty liên kết không áp dụng thống nhất chính sách kế toán.

11/11/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC quy định hình thức hoạt động do một bên kiểm soát và có phương án chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của dự án.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

14
N T
T V
C Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

KẾ TÍNH TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ (tiếp theo)

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

==
-00
/NI
TN
0/
FIN
MIP
/P
==

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền

	30/06/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Đồng	Nguyên tệ	Đồng
Tiền mặt		1.666.393.757		1.737.534.439
Tiền gửi ngân hàng	399,31	4.359.922.441	0,00	121.053.160
<i>Tiền gửi ngân hàng Việt Nam</i>		<i>4.350.858.104</i>		<i>121.053.160</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ		10.003.010		44.435.385
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân		473.512		3.145.277
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao dịch 1		5.726.492		1.888.668
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thanh Xuân		869.908		1.097.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		64.501.284		3.443
Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Phạm Hùng		5.255		129.030
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum		4.255.583.143		12.330.543
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum		1.293.706		1.047.837
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Kon Tum		0		1.437.761
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Vĩnh Phúc		461.504		801.104
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên		8.639.142		2.579.694
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công		3.301.148		52.156.810
<i>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (Đô la Mỹ)</i>	<i>399,31</i>	<i>9.064.337</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	299,31	6.794.337	0,00	0
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	100,00	2.270.000	0,00	0
Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000		0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		5.000.000.000		0
Cộng	399,31	11.026.316.198	0,00	1.858.587.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. Phải thu khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Khách hàng trong nước	8.569.374.255	(46.488.415)	11.864.623.003	(46.488.415)
<i>Công ty TNHH TM & XD hạ tầng Nam Hải</i>	95.988.640	0	1.195.988.640	0
<i>Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt CIC Kontum (*)</i>	986.142.570	0	986.142.570	0
<i>Công ty TNHH TM và DVTH Thanh Tùng</i>	0	0	758.884.655	0
<i>Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO</i>	0	0	634.370.000	0
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Việt Châu</i>	0	0	502.250.000	0
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 5 châu (*)</i>	498.485.748	0	498.485.748	0
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển thương mại Nam Sơn</i>	0	0	455.518.480	0
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long</i>	92.976.830	(46.488.415)	92.976.830	(46.488.415)
<i>Công ty CP Chế tạo máy Tuấn Việt</i>	5.586.680.467	0	5.326.288.790	0
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386</i>	0	0	109.725.000	0
<i>Công ty TNHH Hà Nội Phương</i>	1.309.100.000	0	0	0
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	0	0	1.303.992.290	0
Khách hàng nước ngoài	2.889.278.700	0	0	0
<i>R1 International Pte Ltd</i>	2.889.278.700	0	0	0
Cộng	11.458.652.955	(46.488.415)	11.864.623.003	(46.488.415)
c. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	634.370.000	0
Cộng	0	0	634.370.000	0

(*) Đây là các khoản 5% giá trị bảo hành của Công trình, thời gian bảo hành là 12 tháng tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.104.592.913	0	13.548.313.251	0
Nguyễn Văn Hao (*)	1.902.087.500	0	0	0
Võ Thị Thiện (*)	1.860.000.000	0	0	0
Vũ Thị Toan (*)	1.501.656.251	0	0	0
Doãn Thị Thảo (*)	1.449.457.500	0	0	0
Công ty TNHH MTV Hiệp Hưng	598.476.190	0	0	0
Nguyễn Bá Diệp	0	0	2.560.000.000	0
Phạm Thị Thúy	0	0	2.000.000.000	0
Trần Thị Quỳnh Trang	0	0	3.480.000.000	0
Phạm Văn Lộc	0	0	1.800.000.000	0
Ngô Thị Nhâm	0	0	1.708.000.000	0
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dũng Thoan	0	0	432.065.191	0
Công ty CP Tư vấn xây dựng giao thông Kontum	0	0	222.000.000	0
Công ty TNHH Phúc Anh	0	0	400.000.000	0
Công ty TNHH Comniversal	0	0	20.000.000	0
Trả trước khác	792.915.472	0	926.248.060	0
Cộng	8.104.592.913	0	13.548.313.251	0
c. Trả trước cho người bán là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	8.290.572	0	0	0
Cộng	8.290.572	0	0	0

(*) Đây là khoản trả trước cho các cá nhân thu mua cao su.

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	12.000.000.000	0	4.430.000.000	0
Ông Phạm Đức Bình	0	0	4.430.000.000	0
Ông Phạm Văn Lộc (*)	8.000.000.000	0	0	0
Bà Đào Thị Thảo (*)	4.000.000.000	0	0	0
Cộng	12.000.000.000	0	4.430.000.000	0

(*) Chi tiết cho vay ngắn hạn:

Khách hàng	Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Dư nợ gốc
Ông Phạm Văn Lộc	01/2017/HĐV	15/02/2017	10,5 tháng	10%/năm	8.000.000.000
Bà Đào Thị Thảo	01/2017/HĐV	10/05/2017	6 tháng	12%/năm	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. Phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu khác ngắn hạn (*)	21.675.700.638	0	20.968.844.250	0
Nhà máy Gạch Tuynel Alpha	0	0	5.596.165.277	0
Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	9.021.072.902	0	0	0
Ông Nguyễn Anh Sơn (1)	246.137.200	0	196.137.200	0
Trung tâm giao dịch, Đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (1)	7.000.000.000	0	1.200.000.000	0
Hoàng Đức Duyên (2)	1.200.000.000	0	0	0
Đặng Lâm Hùng (3)	400.000.000	0	0	0
Mai Văn Tài	0	0	1.309.144.695	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát I (4)	0	0	8.071.208.000	0
Nhà máy Gạch Tuynel Hương Sơn	0	0	1.763.306.374	0
Lê Quang Thạch	0	0	1.934.670.926	0
Phải thu Công ty CP XNK Nam Hà Nội tiền lãi vay	111.000.000	0	111.000.000	0
Phải thu ông Mai Anh Tám về lãi tiền gửi tiết kiệm	81.416.667	0	0	0
Phải thu bà Đào Thị Thảo về lãi tiền cho vay	68.000.000	0	0	0
Phải thu lãi cho vay ông Phạm Đức Bình	33.144.444	0	0	0
Dự thu lãi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum	6.560.486	0	0	0
Tạm ứng	3.508.368.939	0	775.747.506	0
Mai Văn Thế (5)	3.000.000.000	0	0	0
Phan Quang Công (6)	501.943.939	0	0	0
Mai Anh Tám	0	0	114.999.312	0
Mai Văn Hợp	0	0	200.000.000	0
Các đối tượng khác	6.425.000	0	460.748.194	0
Phải thu khác	0	0	11.464.272	0
b. Phải thu khác dài hạn (**)	75.455.000.000	0	76.105.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long (7)	27.805.000.000	0	27.805.000.000	0
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội (8)	26.050.000.000	0	26.050.000.000	0
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam (9)	12.700.000.000	0	12.700.000.000	0
Tạm ứng dài hạn - ông Mai Anh Tám (10)	8.900.000.000	0	9.550.000.000	0
Cộng	97.130.700.638	0	97.073.844.250	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
c. Phải thu khác là bên liên quan				
Ngắn hạn	192.416.667	0	8.497.207.312	0
Phải thu Công ty CP XNK Nam Hà Nội tiền lãi vay	111.000.000	0	111.000.000	0
Phải thu ông Mai Anh Tâm về tiền lãi tiền gửi tiết kiệm	81.416.667	0	0	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	0	0	8.071.208.000	0
Tạm ứng	0	0	314.999.312	0
<i>Mai Văn Hợp</i>	0	0	200.000.000	0
<i>Mai Anh Tâm</i>	0	0	114.999.312	0
Dài hạn	75.455.000.000	0	76.105.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	27.805.000.000	0	27.805.000.000	0
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	26.050.000.000	0	26.050.000.000	0
Công ty CP Goldstar Việt Nam	12.700.000.000	0	12.700.000.000	0
Tạm ứng dài hạn - ông Mai Anh Tâm	8.900.000.000	0	9.550.000.000	0
Cộng	75.647.416.667	0	84.602.207.312	0

(*) Phải thu khác ngắn hạn:

(1) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã đặt cọc cho Ông Nguyễn Anh Sơn và Trung tâm Giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện mua phần vốn góp và mua nợ từ Ngân hàng của Công ty TNHH Trường Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2016/HDCNPVG-TS ngày 28/02/2016 và biên bản thỏa thuận nguyên tắc ngày 09/11/2016.

(2) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải thu Ông Hoàng Đức Duyên về tiền bán cổ phần sở hữu tại Công ty CP Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Hợp đồng số 01/2017/HĐCNCP-CRC-DUYEN ngày 19/5/2017.

(3) Là khoản tiền Công ty ứng trước cho ông Đặng Lâm Hùng để đi khảo sát thị trường đầu ra, đầu vào và các mỏ nguyên vật liệu tại tỉnh Sơn La theo Quyết định số 09/QĐCT ngày 28/4/2017 của HĐQT.

(4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn đã đầu tư cho dây truyền công nghệ lò trần phẳng công suất 50 triệu viên/năm tại Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Nghị quyết số 0905/NQ/HĐQT/2017 ngày 09/5/2017.

(5) Khoản tạm ứng cho ông Mai Văn Thế theo Quyết định số 09/QĐGD ngày 10/02/2017 để thực hiện công việc mua sắm vật tư, máy móc thiết bị xây dựng nhà xưởng tại Vĩnh Phúc với thời gian hoàn ứng dự kiến đến 31/12/2017.

(6) Ông Phan Quang Công ứng tiền thực hiện dự án “khu đô thị mới phía Bắc Duy Tân”, thời hạn hoàn ứng: 31/12/2017.

() Phải thu khác dài hạn**

(7) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02/4/2011 và Phụ lục 01 ngày 15/01/2014 với Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long. Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long và Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn là đồng chủ đầu tư vào dự án Nhà ở chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và nhà trẻ tại thôn Ngọc Nại, xã Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

31
H
I
G
M
H
I
T
Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

() Phải thu khác dài hạn (tiếp theo)**

Dự án này được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121001690 ngày 20/3/2014 cho 02 đồng chủ đầu tư nêu trên. Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam sẽ được hưởng cổ tức theo tỷ lệ 20% trên lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long liên quan đến dự án kinh doanh kể từ ngày phát sinh doanh thu bán căn hộ. Dự án được Sở Xây dựng Hà Nội cấp giấy phép xây dựng số 98/GPXD ngày 17/8/2017 và đã thi công xây dựng xong phần móng cùng tầng hầm của tòa nhà.

(8) Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội về việc cùng khai thác mỏ đá tại Liễu Đô 3, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; các khoản giải ngân thực hiện bằng tiền mặt bắt đầu từ ngày 11/02/2011. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của dự án được phân chia theo tỷ lệ: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội hưởng 50%, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam hưởng 50%.

(9) Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam theo hợp đồng hợp tác số 04/HĐHTĐT/CREATE-GSS ngày 06/01/2014 để triển khai dự án phát triển phần mềm kế toán Weekend và phần mềm quản trị doanh nghiệp 1C. Lợi ích mỗi bên được phân chia theo tỷ lệ 50:50 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án.

(10) Khoản tạm ứng cho ông Mai Anh Tám để thực hiện việc cấp quyền sử dụng đất của nhà máy tại khu Đồi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc và kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng đối với diện tích mở rộng mặt bằng nhà máy; tạm ứng kinh phí cho công tác chuẩn bị nâng cấp nhà máy với thời hạn hoàn ứng dự kiến đến 31/12/2018 khi công tác đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

6. Nợ xấu

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 đến 2 năm	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415
Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415
Cộng	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.821.747.218	0	12.384.476.380	0
Công cụ, dụng cụ	597.324.379	0	427.192.866	0
Chi phí SX, KD dở dang	4.014.842.304	0	6.594.492.604	0
Thành phẩm	4.033.240.189	0	1.406.657.819	0
Hàng hóa	20.708.666.381	0	11.831.524.613	0
Cộng	47.175.820.471	0	32.644.344.282	0

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ: 3.976.072.727 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	29.326.768.486	22.117.276.765	1.249.382.728	52.693.427.979
Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành	5.562.469.618	6.423.564.654	0	11.986.034.272
Tăng khác (*)	144.867.201	0	0	144.867.201
Giảm do bị thu hồi (**)	(8.390.762.700)	(4.596.042.057)	0	(12.986.804.757)
Giảm khác (***)	0	(164.839.910)	0	(164.839.910)
Tại ngày 30/6/2017	26.643.342.605	23.779.959.452	1.249.382.728	51.672.684.785
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	9.065.635.397	5.416.983.241	142.308.244	14.624.926.882
Khấu hao trong kỳ	625.166.735	844.036.238	104.115.228	1.573.318.201
Tăng khác (*)	1.331.507	0	0	1.331.507
Giảm do bị thu hồi (**)	(7.383.088.546)	(4.397.816.889)	0	(11.780.905.435)
Giảm khác (***)	0	(4.660.292)	0	(4.660.292)
Tại ngày 30/6/2017	2.309.045.093	1.858.542.298	246.423.472	4.414.010.863
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	20.261.133.089	16.700.293.524	1.107.074.484	38.068.501.097
Tại ngày 30/6/2017	24.334.297.512	21.921.417.154	1.002.959.256	47.258.673.922

(*): Tăng khác do phân loại lại TSCĐ từ máy móc, thiết bị sang nhà cửa, vật kiến trúc nguyên giá 144.867.201 đồng, giá trị hao mòn lũy kế 1.331.507 đồng.

(**): Giảm do Công ty bàn giao Tài sản cho Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố theo Quyết định thu hồi số 845/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Kon Tum ngày 05/4/2017.

(***):

+ Giảm khác do phân loại lại Tài sản không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC nguyên giá 19.972.709 đồng, giá trị hao mòn lũy kế 3.328.785 đồng.

+ Giảm khác do phân loại lại TSCĐ từ máy móc, thiết bị sang nhà cửa, vật kiến trúc nguyên giá 144.867.201 đồng, giá trị hao mòn lũy kế 1.331.507 đồng.

- Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2017 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 36.514.611.224 đồng.

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 30/6/2017 nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/6/2017 chờ thanh lý: 0 đồng.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
b. Xây dựng cơ bản dở dang	10.508.783.265	16.754.553.687
Mua chung cư văn phòng tại Hà Nội (1)	1.208.758.478	1.208.758.478
Dự án đất nông nghiệp tại Bắc Ninh	0	4.317.192.000
Sửa chữa, nâng cấp nhà máy sản xuất tại Vĩnh Phúc	0	2.552.620.937
Mua sắm máy móc thiết bị Nhà máy tại xã Kroong, Kon Tum (2)	563.159.054	881.340.872
Xây dựng cơ bản Nhà máy tại xã Kroong, Kon Tum (2)	8.736.865.733	7.794.641.400
Cộng	10.508.783.265	16.754.553.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

(1) Đây là căn hộ chung cư đã mua tại số 110, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội của Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long để làm văn phòng. Chung cư này đang được hoàn thiện các hạng mục phụ trợ để đưa vào sử dụng.

(2) Công ty đang thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy Gạch Tuynel công nghệ mới Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000160 được cấp thay đổi lần thứ hai ngày 30/9/2016.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/6/2017 bao gồm chi phí mua sắm máy móc thiết bị mới và đầu tư xây dựng cơ bản dở dang các hạng mục Hệ ray xe goòng, nhà chứa than, nhà bán mái băng tải,...

10. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.015.000.000	0	0	0
b1. Ngắn hạn	12.015.000.000	0	0	0
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum	215.000.000	0	0	0
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (*)	11.800.000.000	0	0	0
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.121.063.617	0	44.140.864.271	0
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (**)	20.073.063.617	0	37.515.864.271	0
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO (1)	20.073.063.617	0	19.969.020.343	0
Công ty CP Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 (2)	0	0	13.303.566.502	0
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	0	0	4.243.277.426	0
Đầu tư vào đơn vị khác (***)	8.048.000.000	0	6.625.000.000	0
Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch (1)	6.625.000.000	0	6.625.000.000	0
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam (2)	1.423.000.000	0	0	0
Cộng	40.136.063.617	0	44.140.864.271	0

(*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/3/2017, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam ủy quyền cho ông Mai Anh Tám đứng tên cá nhân trên khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty.

() Đầu tư vào công ty liên kết**

(1) Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO theo Nghị quyết số 11/NQ/ĐHĐCĐ/2015 của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/12/2015, số tiền góp vốn là 20.000.000.000 đồng, đạt 22,38% vốn góp của Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO.

(2) Công ty chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Nghị quyết số 0905/NQ/HĐQT/2017 của Hội đồng quản trị ngày 09/5/2017. Số lượng cổ phần đã đầu tư: 97.000 cổ phần, giá mua khoản đầu tư 13.305.000.000 đồng, giá bán khoản đầu tư 14.505.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(*) Đầu tư vào đơn vị khác**

(1) Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án góp thêm vốn đầu tư vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch theo Nghị quyết số 1211/NQ/HĐQT ngày 12/11/2016, số tiền góp thêm là 3.700.000.000 đồng. Tổng vốn góp sau đầu tư thêm tại 30/6/2017 là 6.625.000.000 đồng, đạt 18,87% vốn góp của Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch.

(2) Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam theo Nghị quyết số 2911/NQ/HĐQT/2016 của Hội đồng quản trị ngày 29/11/2016, số tiền góp vốn theo Nghị quyết là 7.000.000.000 đồng, đạt 46,67% vốn điều lệ của Simex Việt Nam. Tuy nhiên đến thời điểm 30/6/2017, Công ty đã giảm vốn góp xuống còn 1.423.000.000 đồng đạt 16,31% vốn thực góp của Simex Việt Nam.

11. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	45.405.710	11.314.870
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	10.163.879	11.314.870
Phí và bảo hiểm	35.241.831	0
b. Chi phí trả trước dài hạn	71.444.824	166.678.891
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	69.924.874	145.687.620
Phí và bảo hiểm	1.519.950	20.991.271
Cộng	<u>116.850.534</u>	<u>177.993.761</u>

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>30/6/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	275.052.385	146.284.545
Cộng	<u>275.052.385</u>	<u>146.284.545</u>
b- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	5.769.692
Cộng	<u>0</u>	<u>5.769.692</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.596.096.114	8.596.096.114	10.850.017.190	10.850.017.190
Nhà cung cấp trong nước	8.532.629.914	8.532.629.914	10.850.017.190	10.850.017.190
Công ty CP Chế tạo máy Tuấn Việt	0	0	2.171.353.391	2.171.353.391
Công ty Cổ phần Đầu tư XD TM và DV Nam Sông Hồng	0	0	1.751.830.725	1.751.830.725
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	1.389.300.000	1.389.300.000	1.589.300.000	1.589.300.000
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	1.195.988.200	1.195.988.200	0	0
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	2.970.516.064	2.970.516.064	1.104.354.729	1.104.354.729
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425	0	0
Công ty TNHH Hưng Thành Phú Thọ	0	0	974.568.390	974.568.390
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	590.771.000	590.771.000
Công ty TNHH Hồng Nhung	80.744.500	80.744.500	250.744.500	250.744.500
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thiên Hà Thủy	91.072.380	91.072.380	91.072.380	91.072.380
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	0	0	62.425.928	62.425.928
Công ty TNHH Sản xuất đồ gia dụng Tuấn Việt	0	0	258.760.000	258.760.000
Công ty CP Xây dựng 5 Châu	504.027.550	504.027.550	504.027.550	504.027.550
Công ty TNHH Gạch cổ Bát Tràng	295.000.000	295.000.000	295.000.000	295.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.563.154.795	1.563.154.795	1.205.808.597	1.205.808.597
Nhà cung cấp nước ngoài	63.466.200	63.466.200	0	0
Pingxiang Maofa IMP. & EXI. Co, Ltd	63.466.200	63.466.200	0	0
Cộng	8.596.096.114	8.596.096.114	10.850.017.190	10.850.017.190
c. Phải trả người bán là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	590.771.000	590.771.000
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	0	0	62.425.928	62.425.928
Cộng	0	0	653.196.928	653.196.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Tuấn Việt	155.000.000	155.000.000
Công ty TNHH Đại Hưng	275.000.000	275.000.000
Xí nghiệp Xây dựng Đức Tiến	0	29.000.000
Công ty TNHH MTV Phú Thịnh	0	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Loan Thắng	0	30.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ vận tải Thành Long	0	1.060.000
Cộng	430.000.000	540.060.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	30/6/2017
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	107.612.176	3.367.570.318	3.475.182.494	0
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	448.303.013	0	0	448.303.013
Thuế tài nguyên	49.180	19.929.000	17.414.250	2.563.930
Thuế thu nhập cá nhân	7.683.124	0	0	7.683.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.557.954.807	2.053.720.962	786.399.274	3.825.276.495
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	0
Các loại thuế khác	0	641.522.689	641.522.689	0
Cộng	3.121.602.300	6.088.742.969	4.926.518.707	4.283.826.562
b. Phải thu				
Thuế môn bài	0	0	6.000.000	6.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	27.651.361	27.651.361
Cộng	0	0	33.651.361	33.651.361

16. Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	221.834.078	97.484.307
Lãi vay phải trả	65.599.958	46.598.003
Chi phí thuê đất	79.548.552	50.886.304
Chi phí vận chuyển và phí dịch vụ xuất khẩu hàng	76.685.568	0
Cộng	221.834.078	97.484.307

17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
b. Dài hạn	139.426.696	50.198.906
Doanh thu chưa thực hiện	139.426.696	50.198.906
Cộng	139.426.696	50.198.906

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. Phải trả khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Ngắn hạn	2.287.076.981	1.184.758.098
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	111.738.097	620.419.214
Kinh phí công đoàn	175.338.884	175.338.884
Đặng Việt Phương	0	389.000.000
Nguyễn Hoàng Phương (*)	500.000.000	0
Công ty CP Xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum (**)	1.500.000.000	0
Cộng	<u>2.287.076.981</u>	<u>1.184.758.098</u>

3041-00
NHÂN
CÔNG TY TNHH
M T O A
H V U T I N
S C H Í M I N
T Y - T P

(*) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải trả Ông Nguyễn Hoàng Phương về tiền ứng trước để bán 750.000 cổ phần của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum, giá trị thỏa thuận giữa hai bên là 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 01/2017/HĐCNCP/CRC-PHUONG ngày 26/6/2017.

(**) Công ty CP Xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum chuyển tiền cho Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kon Tum để thực hiện hoàn thiện thủ tục đấu thầu theo Điều 2 Phụ lục số 01 của Thỏa thuận liên doanh ký ngày 27/5/2017 về dự án “ Khu đô thị mới phía Bắc Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 043.6292.5566 Fax: 043.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		01/01/2017			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	54.155.926.693	54.155.926.693	79.389.751.291	60.909.079.850	35.675.255.252	35.675.255.252
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (1)	26.561.823.968	26.561.823.968	47.995.402.000	33.717.828.078	12.284.250.046	12.284.250.046
Ngân hàng TMCP Quân đội -SGD 1 (2)	2.409.886.950	2.409.886.950	2.459.886.950	1.732.201.940	1.682.201.940	1.682.201.940
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ (3)	11.518.130.600	11.518.130.600	12.218.130.600	14.753.791.917	14.053.791.917	14.053.791.917
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	0	0	0	204.200.004	204.200.004	204.200.004
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (5)	4.565.618.150	4.565.618.150	6.024.965.126	3.685.439.871	2.226.092.895	2.226.092.895
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (6)	9.100.467.025	9.100.467.025	10.061.366.615	6.185.618.040	5.224.718.450	5.224.718.450
Vay ngắn hạn cá nhân + Ông Mai Anh Tâm	0	0	630.000.000	630.000.000	0	0
b. Vay dài hạn	26.608.322.019	26.608.322.019	3.621.600.000	6.324.585.995	29.311.308.014	29.311.308.014
Ngân hàng TMCP Quân đội -SGD 1 (4)	2.535.120.000	2.535.120.000	3.621.600.000	1.086.480.000	0	0
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	0	0	0	684.249.995	684.249.995	684.249.995
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (5)	20.011.634.019	20.011.634.019	0	3.200.000.000	23.211.634.019	23.211.634.019
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Phúc Yên (6)	4.061.568.000	4.061.568.000	0	1.353.856.000	5.415.424.000	5.415.424.000
Cộng	80.764.248.712	80.764.248.712	83.011.351.291	67.233.665.845	64.986.563.266	64.986.563.266
c. Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan	0	0	630.000.000	630.000.000	0	0
Vay ngắn hạn cá nhân + Ông Mai Anh Tâm	0	0	630.000.000	630.000.000	0	0
Cộng	0	0	630.000.000	630.000.000	0	0



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số tài khoản/hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức/ Gốc vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 30/6/2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (1)					
01/2016/HDCTD/VCBTX-CR	19/12/2016	10.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	600.000.000
Hợp đồng số 01/2017/HMCV/VCBTX-CR	23/01/2017	30.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	25.961.823.968
Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/SD-HMCV/2017	19/06/2017				
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD I (2)					
11638,16.002.2265211.TD	25/03/2016	3.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	1.685.566.950
625-11-15/HĐTD/PHG (Vay dài hạn đến hạn trả)	25/01/2017	3.641.400.000	Linh hoạt	60 tháng	724.320.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ (3)					
Hợp đồng số 1506-LAV- 201601070	29/09/2016	20.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	11.518.130.600
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD I (4)					
625-11-15/HĐTD/PHG	25/01/2017	3.641.400.000	Linh hoạt	60 tháng	2.535.120.000

(5) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2016/666331/HĐTD ngày 31/11/2016, trong đó: Hạn mức tín dụng là 5.500.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, lãi suất cho vay và thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG ngày 13/01/2017, giá trị 215.000.000 đồng;

Và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015, trong đó: Hạn mức tín dụng là 24.000.000.000 VND, thời hạn rút vốn: từ ngày ký kết Hợp đồng đến khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng; thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ thời điểm giải ngân; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo từng Giấy nhận nợ; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynel; Tài sản đảm bảo: Bất động sản hình thành trong tương lai của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynel.

Theo lịch trả nợ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015, Số nợ gốc phải trả Quý 3 năm 2017: 700.000.000 đồng, Quý 4 năm 2017: 700.000.000 đồng; Quý 1 năm 2018: 400.000.000 đồng, Quý 2 năm 2018: 600.000.000 đồng. Tổng nợ dài hạn phải trả trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày 30/6/2017 là 2.400.000.000 đồng.

(6) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT260-GACHVINHPHUC ngày 17/7/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 03/2016-VBSDHĐTD ngày 04/01/2017 với hạn mức cho vay: 9.000.000.000 đồng, lãi suất theo các khế ước nhận nợ trong thời hạn từ ngày 15/7/2016 đến 15/7/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

Và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT260-CTGNVP ngày 20/10/2016 với hạn mức cho vay: 7.000.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 20/10/2016 đến 19/10/2021 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất gạch.

Theo lịch trả nợ, cứ cách 03 tháng, Công ty phải thanh toán 5% giá trị các khế ước vay. Do vậy, trong 12 tháng tiếp theo, công ty phải thanh toán 1.353.856.000 đồng gốc vay đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	150.000.000.000	633.963.151	16.444.056.846	14.788.244.631	181.866.264.628
Lãi trong kỳ này	0	0	0	6.644.579.195	6.644.579.195
Tăng khác	0	0	2.156.590.195	0	2.156.590.195
Tại ngày 30/6/2017	150.000.000.000	633.963.151	18.600.647.041	21.432.823.826	190.667.434.018

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của các cổ đông	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0
Vốn góp giảm trong năm	0
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/ Cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	633.963.151	633.963.151
Cộng	633.963.151	633.963.151

101
 IN
 G
 M
 H
 H
 1/A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

c- Ngoại tệ các loại	30/06/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Giá trị	Nguyên tệ	Giá trị
USD (Đô la Mỹ)	399,31	9.064.337	0,00	0

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Doanh thu	50.309.915.160
Doanh thu bán hàng	50.309.915.160
Cộng	50.309.915.160
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	4.281.260.077
Cộng	4.281.260.077

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Giá vốn của hàng đã bán	44.141.338.734
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	656.657.545
Cộng	44.797.996.279

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi tiền gửi	137.853.410
Lãi cho vay	408.644.444
Lãi từ các khoản đầu tư	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	59.627.056
Cộng	1.806.124.910

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí lãi vay	2.818.477.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	75.413.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh cuối kỳ	917.548
Cộng	2.894.809.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Chi phí bán hàng	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.530.925
Cộng	340.530.925
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên quản lý	814.319.281
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.331.538
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.563.890
Thuế, phí, lệ phí	138.007.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.414.670
Chi phí bằng tiền khác	134.954.132
Cộng	1.741.590.637

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chênh lệch giữa giá trị bồi thường do thu hồi tài sản dự án Bắc Duy Tân và giá trị còn lại của tài sản thu hồi	7.815.173.580
Thu nhập khác	9.978.306
Cộng	7.825.151.886

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí khấu hao tài sản tạm dừng sử dụng	13.086.544
Tiền chậm nộp thuế	180.861.331
Phạt chậm nộp BHXH	39.126.221
Các khoản khác	37.137
Cộng	233.111.233

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.704.554.519
Chi phí nhân công	2.980.169.453
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.560.231.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.038.540.170
Chi phí khác bằng tiền	508.077.701
Cộng	15.791.573.501

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.045.352.820
2. Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN (a+b+c)	345.439.187
a. Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	345.439.187
<i>Tiền chậm nộp thuế</i>	180.861.331
<i>Phạt chậm nộp BHXH</i>	39.126.221
<i>Chi phí lãi vay tương ứng phần vốn điều lệ chưa góp đủ</i>	111.166.669
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền có gốc ngoại tệ</i>	10.348
<i>Chi phí không đầy đủ hồ sơ</i>	1.188.074
<i>Chi phí khấu hao không phục vụ hoạt động sản xuất</i>	13.086.544
3. Tổng thu nhập tính thuế TNDN	10.390.792.007
Thu nhập tính thuế ưu đãi 10%	863.246.806
Thu nhập tính thuế hiện hành 20%	10.052.793.110
Thu nhập điều chỉnh khi tính thuế	(525.247.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.096.883.302
Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp của thu nhập tính thuế ưu đãi 10%	43.162.340
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.053.720.962

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(134.537.532)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(134.537.532)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.644.579.195
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.644.579.195
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	442,97

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.644.579.195
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	6.644.579.195
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	442,97

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

30
H
T
G
M
H
H
T
A

H
T
G
M
H
H
T
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm đ	Trên 1 năm đ	Tổng cộng đ
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	35.675.255.252	29.311.308.014	64.986.563.266
Phải trả người bán	10.850.017.190	0	10.850.017.190
Chi phí phải trả	97.484.307	0	97.484.307
Phải trả khác	389.000.000	0	389.000.000
Cộng	47.011.756.749	29.311.308.014	76.323.064.763
Tại ngày 30/6/2017			
Các khoản vay và nợ	54.155.926.693	26.608.322.019	80.764.248.712
Phải trả người bán	8.596.096.114	0	8.596.096.114
Chi phí phải trả	221.834.078	0	221.834.078
Phải trả khác	2.000.000.000	0	2.000.000.000
Cộng	64.973.856.885	26.608.322.019	91.582.178.904

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng sổ tiết kiệm, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, bất động sản hình thành trong tương lai và một phần tài sản xây dựng cơ bản dở dang làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng vào ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017.

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 30/6/2017. Chi tiết:

- (1) Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng căn hộ số 11 ngõ 48 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BĐ 540969, số vào sổ cấp GCN: CH 00095 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/06/2011.
- (2) Tài sản đảm bảo là nhà máy sản xuất gạch trên diện tích 86.415 m² tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 1, thôn Đông Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BS115440, số vào sổ cấp GCN: CT05205 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/01/2015 cho Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Phong Thu.
- (3) Tài sản thế chấp là các quyền tài sản phát sinh trong Hợp đồng mua bán căn hộ số 351/2015-HĐMB-Golden Millennium ký ngày 10/03/2015 giữa bà Trương Thị Hoài Thu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình.
- (4) Tài sản thế chấp là toàn bộ các tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án "Đầu tư Nhà máy Gạch Tuynel Kim Xá" tại khu Đồi Gộc, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***13.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

quyền sử dụng đất số AB 933659 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 01/09/2006 và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án này.

(5) Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: BT4.2, khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BÝ 045357, số vào sổ cấp GCN: CS 10538 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2014.

(6) Tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh hợp pháp từ Hợp đồng mua bán căn hộ số 267/2014/BĐSTL-SGD Căn hộ: 704A - tầng 7 ngày 07/11/2014 ký giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long (gọi tắt là chủ đầu tư) và Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam và biên bản bàn giao nhà ngày 10/11/2014 tại địa chỉ: Căn hộ số 704A - tầng 07, dự án: tòa nhà hỗn hợp văn phòng, chung cư cao cấp Sông Đà - Hà Đông, số 110, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

(7) Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 817641 của ông Tạ Văn Sáng tại số 3, thôn Thu Quế, xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

(8) Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của ông Mai Anh Tám và bà Trần Thị Thu Hiền tại số 104/140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2017		01/01/2017		30/06/2017	01/01/2017
	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	(đ)	(đ)
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.026.316.198	0	1.858.587.599	0	11.026.316.198	1.858.587.599
Phải thu về cho vay	12.000.000.000	0	4.430.000.000	0	12.000.000.000	4.430.000.000
Phải thu khách hàng	11.458.652.955	(46.488.415)	11.864.623.003	(46.488.415)	11.412.164.540	11.818.134.588
Phải thu khác	84.722.331.699	0	86.736.632.472	0	84.722.331.699	86.736.632.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.015.000.000	0	0	0	12.015.000.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.121.063.617	0	44.140.864.271	0	28.121.063.617	44.140.864.271
Cộng	159.343.364.469	(46.488.415)	149.030.707.345	(46.488.415)	159.296.876.054	148.984.218.930
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản vay và nợ	80.764.248.712	0	64.986.563.266	0	80.764.248.712	64.986.563.266
Phải trả người bán	8.596.096.114	0	10.850.017.190	0	8.596.096.114	10.850.017.190
Chi phí phải trả	221.834.078	0	97.484.307	0	221.834.078	97.484.307
Phải trả khác	2.000.000.000	0	389.000.000	0	2.000.000.000	389.000.000
Cộng	91.582.178.904	0	76.323.064.763	0	91.582.178.904	76.323.064.763

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)***14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, phải thu về cho vay các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, vay và nợ, phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2017
đến 30/6/2017
78.533.175.291

2. Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2017
đến 30/6/2017
62.755.489.845

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

- Từ ngày 18/7/2017, Ông Nguyễn Hoàng Phương được bổ nhiệm là Giám đốc của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kon Tum theo Quyết định số 02-1807/QĐ-KT ngày 18/7/2017 của Hội đồng quản trị.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kon Tum thay đổi Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hoàng Phương thay ông Hoàng Văn Công theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 25/7/2017.

2. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

- Tại ngày 30/6/2017 Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	Công ty liên kết đến ngày 19/5/2017
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	Công ty liên kết đến ngày 19/5/2017
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

613
CHI ĐĂNG KIẾP DỊCH P.H.C
GIÁ

CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

- Các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	TK	Số dư tại 01/01/2017	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 30/6/2017
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Vốn góp	222	20.000.000.000	0	0	20.000.000.000
	Phải thu về bán hàng hóa, máy móc	131	634.370.000	5.071.090.420	5.705.460.420	0
	Phải trả về mua hàng hóa	331	590.771.000	0	590.771.000	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	Vốn góp	222	13.305.000.000	0	13.305.000.000	0
	Phải thu khác	138	8.071.208.000	4.550.000.000	12.621.208.000	0
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	Vốn góp	222, 228	4.250.000.000	2.473.000.000	5.300.000.000	1.423.000.000
	Vốn góp hợp tác kinh doanh	138	27.805.000.000	0	0	27.805.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	Vốn góp	138	12.700.000.000	0	0	12.700.000.000
	Vốn góp hợp tác kinh doanh	138	26.050.000.000	0	0	26.050.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	Vốn góp	331	62.425.928	0	70.716.500	(8.290.572)
	Phải trả về mua hàng hóa	138	111.000.000	0	0	111.000.000

b. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Mối quan hệ	TK	Số dư tại 01/01/2017	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 30/6/2017
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	141	9.664.999.312	0	764.999.312	8.900.000.000
		138	0	130.416.667	49.000.000	81.416.667
		341	0	630.000.000	630.000.000	0

Tổng thù lao, lương và phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận được trong 6 tháng đầu năm 2017 là: 106.720.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

c. Các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	TK	Số dư tại 01/01/2017	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 30/6/2017
Ông Mai Văn Hợp	Anh ruột Ông Mai Anh Tám	141	200.000.000	0	200.000.000	0

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và xây lắp. Tuy nhiên, trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, Báo cáo hợp nhất của Công ty không phát sinh doanh thu hoạt động xây lắp, do đó, không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội và hai Công ty con tại tỉnh Kon Tum và tỉnh Vĩnh Phúc nên Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Chỉ tiêu	Hà Nội	Kon Tum	Vĩnh Phúc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	43.327.252.453	3.595.231.730	3.387.430.977	50.309.915.160
- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.327.252.453	3.595.231.730	3.387.430.977	50.309.915.160
2. Chi phí	42.387.078.583	2.040.258.126	2.452.781.132	46.880.117.841
- Giá vốn	40.593.940.863	1.891.466.193	2.312.589.223	44.797.996.279
- Chi phí phân bổ	1.793.137.720	148.791.933	140.191.909	2.082.121.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	940.173.870	1.554.973.604	934.649.845	3.429.797.319
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	10.322.456.938	856.542.306	807.035.028	11.986.034.272
5. Tài sản bộ phận	247.265.361.432	20.517.716.283	19.331.813.061	287.114.890.776
6. Tài sản không phân bổ				275.052.385
Tổng tài sản				287.389.943.161
7. Nợ phải trả bộ phận	83.298.104.523	6.911.954.289	6.512.450.331	96.722.509.143
8. Nợ phải trả không phân bổ				0
Tổng nợ phải trả				96.722.509.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Tel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

Không có số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 do Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này.

5. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền

Mai Anh Tám